

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 36/2022/HSST
Ngày 27-9-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông K'Bar

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa:
Ông Bạch Đình Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2022/TLST-HS, ngày 09 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lại Văn H, sinh năm 1992 tại tỉnh Lâm Đồng; trú tại: Bon P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lại Văn T (sinh năm 1970) và bà Vũ Thị T (sinh năm 1971); bị cáo có vợ Đặng Thị Việt T và 02 con, (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: 08-5-2013 bị Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giữ ngày 27-11-2021 đến ngày 06-12-2021 được tại ngoại - có mặt.

2. Đinh Văn L, sinh năm 1987 tại tỉnh Hà Nam; trú tại: Số 192 L, thị trấn D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đinh Đức Đ (sinh năm 1953) và bà Đặng Thị Đ (sinh năm 1956); bị cáo có vợ Lê Ngọc Minh U và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 27-11-2022 đến ngày 06-12-2021 được tại ngoại - có mặt

3. Đỗ Tuấn A, sinh năm 1978 tại Thành phố H Phòng; trú tại: Thôn 9, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Xuân Q (đã chết) và bà Đặng Thị G (sinh năm 1941); bị cáo có vợ Nguyễn Thị T và 02 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại - có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
- + Chị H'M và anh K'H; địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đều có mặt
- + Chị H'D, địa chỉ: Thôn 1, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.
- Người tham gia tố tụng khác:
- Người làm chứng:
- + Anh Hà Văn T, địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.
- + Bà H'J, địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28-10-2020, vợ chồng chị H'M và anh K'H vay của H'D số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đ, đồng thời lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CS308002 đang thế chấp ngân hàng đưa cho H'D giữ để làm tin. Sau đó, H'D thế chấp GCN QSDĐ nêu trên thế chấp để vay 350.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày của người đàn ông tên T (*D khai là chủ nhà nghỉ H, ở thành phố G*) để trả nợ.

Đến thời hạn trả tiền cho ông T, do chưa có tiền nên H'D đến gặp Lại Văn H, hỏi vay tiền để chuộc sổ. H gọi điện cho Đinh Văn L và Đỗ Tuấn A trao đổi về việc có người cần vay 450.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thì L và Tuấn A đồng ý cho vay, yêu cầu bên vay phải làm thủ tục sang nhượng đất để đảm bảo việc trả nợ. L góp 300.000.000 đồng, Tuấn A góp 150.000.000 đồng, tính lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, phần lãi chênh lệch cho H tự tính toán. H nói lại với H'D về việc phải sang tên QCN QSDĐ, H'D về trao đổi lại với H'M, K'H thì tất cả đồng ý.

Ngày 25-11-2020, H'D, H'M, K'H cùng H, L, Tuấn A đến Văn phòng công chứng Phạm Thị V ở TP. G để ký hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất. H'D liên hệ ông T đưa GCN QSDĐ ra phòng công chứng; L và Tuấn A đưa cho H 450.000.000 đồng. Sau khi H'M, K'H ký hồ sơ chuyển nhượng đất cho L và Tuấn A đồng sở hữu, H đưa cho H'D 416.500.000 đồng, thu trước tiền lãi của 15 ngày là 33.500.000 đồng H. Sau đó, H cho H'D lại số tiền 1.500.000 đồng, H'D trả tiền cho ông T rồi tất cả đi về.

Khi về đến phòng trọ của H ở thôn 5, xã Q, H nói cho L và Tuấn A biết đã lấy 32.000.000 đồng tiền lãi/15 ngày từ H'D. H lấy 5.000.000 đồng, số tiền

27.000.000 đồng còn lại Tuấn A nhường L nhận trước. Ngày 09-12-2020, H'D xin gia hạn thêm 15 ngày, H gọi điện thông báo thì L và Tuấn A đồng ý.

Đến ngày 31-12-2020, H'D đến phòng trọ, trả cho H 25.000.000 đồng tiền lãi, phần còn lại nợ đến khi trả tiền gốc thì tính luôn. Sau đó, H gọi điện cho Tuấn A, hẹn gặp và đưa cho Tuấn A 10.000.000 đồng tiền lãi, Tuấn A cho lại H 1.000.000 đồng, số tiền còn lại H giữ.

Ngày 07-01-2021, H'D nhờ chị gái là H'Giao trả cho H 10.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 12-01-2021, H chuyển khoản cho L 13.500.000 đồng, thông qua số tài khoản ngân hàng Sacombank của vợ L là Lê Thị Kim U. Sau đó, H'D không trả tiền gốc và tiền lãi cho H, L, Tuấn A nữa.

Do H'D không trả tiền nên H nhiều lần gọi điện đe dọa, yêu cầu H'M, K'H pH trả tiền. Ngày 23-7-2021, H'M, K'H trả cho Đỗ Tuấn A 150.000.000 đồng tiền gốc và được Tuấn A ký hồ sơ sang nhượng đối với phần Tuấn A đứng tên và không tính lãi.

Cuối tháng 10-2021, Đinh Văn L liên lạc với H'M để đòi tiền. L yêu cầu H'M trả 400.000.000 đồng để L ký sang nhượng lại đất. Ngày 25-11-2021, H'M cùng H'J mang theo 390.000.000 đồng đến Văn phòng công chứng Ngô Thị Sương ở thôn 4, xã Q, huyện Đ để trả tiền cho L và ký hợp đồng sang nhượng. Hai bên thỏa thuận, H'M trả cho L 250.000.000 đồng tiền gốc, 140.000.000 tiền lãi (*tính từ sau ngày cuối cùng H'D trả lãi đến ngày H'M trả tiền*), số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc còn lại, L yêu cầu H'M viết giấy tay nhận nợ và ủy quyền cho Hà Văn T đòi nợ.

Khi L nhận tiền và ký các giấy tờ xong thì bị Công an huyện Đăk Glong phát hiện, lập biên bản làm việc.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Glong đã thu giữ: Số tiền 390.000.000 đồng, 01 chiếc bóp do Đinh Văn L giao nộp; số tiền 69.500.000 đồng do Lại Văn H, Đinh Văn L, Đỗ Tuấn A nộp lại khoản thu lợi bất chính; 03 ĐTDĐ (*do Đinh Văn L, Hà Văn T, H'M giao nộp*); 01 “*Giấy thế chấp đất rẫy*”, ghi ngày 08-3-2021; 01 giấy vay tiền, ghi ngày 25-11-2021; 01 USB do H'M giao nộp.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giữ để chuyển Tòa án xét xử, đề nghị trả lại cho chi H'M số tiền 390.000.000 đồng; truy thu số tiền 150.000.000 đồng của Đỗ Tuấn A, 300.000.000 đồng của H'D để sung quỹ nhà nước; trả lại cho H'D số tiền 57.650.685 đồng; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.849.315 đồng; trả lại 03 ĐTDĐ cho Đinh Văn L, Hà Văn T, H'M; chuyển kèm hồ sơ vụ án 01 “*Giấy thế chấp đất rẫy*”, ghi ngày 08-3-2021, 01 giấy vay tiền, ghi ngày 25-11-2021

Về trách nhiệm dân sự: Chị H'M đề nghị được nhận lại số tiền 390.000.000 đồng, tuyên bố giấy nợ 60.000.000 đồng viết tay không có giá trị và yêu cầu Đỗ Tuấn A, Đinh Văn L ký thủ tục chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số CS308002.

Bản Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông truy tố các bị cáo Lại Văn H, Đinh Văn L, Đỗ Tuấn A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố đối với các bị cáo là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lại Văn H, Đinh Văn L, Đỗ Tuấn A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo L và Tuấn A áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Lại Văn H từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo L từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Tuấn A từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 30 đến 40 triệu đồng.

Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị trả lại cho chị H'M số tiền 390.000.000 đồng; truy thu số tiền 450.000.000 đồng của H'D để sung quỹ nhà nước; trả lại cho H'D số tiền 57.650.685 đồng, tuy nhiên để đảm bảo công tác thi hành án, cần tiếp tục tạm giữ số tiền này của H'D; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.849.315 đồng; trả lại 02 điện thoại di động cho Hà Văn T, H'M; tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại thu giữ của Đinh Văn L; tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 “*Giấy thế chấp đất rẫy*”, ghi ngày 08-3-2021, 01 giấy vay tiền, ghi ngày 25-11-2021

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX trả lại số tiền 390.000.000 đồng cho gia đình chị H'M, buộc bị cáo Đỗ Tuấn A phải hoàn trả lại số tiền 150.000.000 đồng cho chị H'M.

Đối với hành vi của Đinh Văn L thu của H'M 140.000.000 đồng tiền lãi đối với số tiền gốc 300.000.000 đồng, trong thời hạn 322 ngày, kể từ ngày 08-01-2021 đến ngày 25-11-2021 (*tính từ sau ngày cuối cùng H'D trả lãi đến ngày H'M trả tiền, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo*): Đây là thỏa thuận mới giữa L với H'M, lãi suất tương ứng là 52%/năm, gấp 2,6 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự nên hành vi của Đinh Văn L chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan CSĐT Công an huyện xử lý hành chính đối với L là có căn cứ.

Ngoài ra trong quá trình điều tra xác định ngoài hành vi nêu trên, từ ngày 06-02-2021 đến tháng 7-2021, Lại Văn H cùng TPhạm Văn T cho Vy Văn T vay 100.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; đã thu 100.500.000 tiền lãi, có dấu hiệu phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã yêu cầu Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (VIETTEL) Chi nhánh Đắk Nông sao kê L sử giao dịch của Lại Văn H nhưng hết thời hạn điều tra chưa có kết quả nên CQĐT tách hành vi, tiếp tục xác minh, xử lý.

Tại phiên tòa: Chị H'M trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo L trả lại số tiền 390.000.000 đồng, bị cáo Tuấn A trả lại số tiền 150.000.000 đồng, vì toàn bộ các khoản vay tiền của H'D đối với bị cáo L và Tuấn A, chị không liên quan và không trực tiếp nhận tiền; đối với các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất yêu cầu các bị cáo phối hợp với gia đình chị để ký lại hợp đồng chuyển nhượng, trường hợp các bị cáo không thực hiện, chị đồng ý khởi kiện bằng vụ án khác.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận về hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập, lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lưu trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ buộc tội và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án là có căn cứ pháp lý qua đó xác định: Trong thời gian từ ngày 25-11-2020 đến ngày 07-01-2021, Lại Văn H, Đinh Văn L, Đỗ Tuấn A đã cho chị H'D vay số tiền 450.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi

suất 182,5%/ năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự), thu lợi bất chính số tiền 57.650.685 đồng (68.500.000 đồng tiền lãi đã nhận – 10.849.315 đồng lãi suất pháp luật cho phép). Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định như sau:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc pH cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế do pháp luật hình sự bảo vệ; các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo mang tính đồng phạm gián đơn, không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ, Bị cáo H là người khởi xướng, liên hệ để bị cáo L và Tuấn A cho vay tiền, là đầu mối trung gian trong giao dịch cho vay tiền và thu tiền lãi; các bị cáo L và Tuấn A giao số tiền gốc và nhận tiền lãi từ bị cáo H, vai trò của các bị cáo thấp hơn so với bị cáo H. Quá trình thực hiện thỏa thuận trả lãi, do H'D vi phạm thỏa thuận nên bị cáo L nhiều lần đòi tiền, yêu cầu gia đình H'M pH viết giấy chuyển nhượng viết tay thửa đất của gia đình chị H'M; gia đình chị H'M khó khăn nhưng khi trả cho bị cáo số tiền 390.000.000 đồng, trong số tiền nêu trên, bị cáo yêu cầu chị H'M phải trả số tiền lãi là 140.000.000 đồng, số tiền bị cáo cho H'D vay nhiều hơn so với bị cáo Tuấn A. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung; cần xử phạt bị cáo H cao hơn bị cáo L; bị cáo L cao hơn bị cáo Tuấn A là phù hợp.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H có nhân thân xấu, năm 2013 bị Tòa án huyện Di Linh xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, đối với các bị cáo L và Tuấn A có nhân thân tốt, tất cả các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên, bị cáo L, Tuấn A phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã tự nguyện giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính; bị cáo H có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba, bị cáo Tuấn A có bố được tặng thưởng huân chương

kháng chiến hạng nhất nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; bị cáo L, Tuấn A được hưởng thêm tình tiết quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Xét cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là cần thiết; các bị cáo H, Tuấn A đều làm nông, bị cáo L làm công nhân, không liên quan đến thực hiện hành vi phạm tội nên không áp dụng phạt bổ sung là cấm hành nghề.

[6]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc truy tố, xét xử và mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ pháp lý, HĐXX chấp nhận.

[7] Xét ý kiến người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa trình bày: Không thực hiện giao dịch vay, nhận tiền từ L và Tuấn A, toàn bộ số tiền 450.000.000 đồng, H'D là người nhận tiền, sau đó H'M đã trả cho Tuấn A số tiền 150.000.000 đồng, trả cho L 390.000.000 đồng. Xét số tiền này cần phải hoàn trả lại cho gia đình H'M là phù hợp.

[8]. Đối với việc H'D vay tiền lãi suất cao của người đàn ông tên T ở thành phố G: Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắc Glong đã có công văn, sao y tài liệu chuyển Cơ quan CSĐT Công an thành phố G xử lý theo thẩm quyền là phù hợp.

Đối với hành vi của Lại Văn H cùng T Phạm Văn T cho Vy Văn T vay 100.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; đã thu 100.500.000 tiền lãi, có dấu hiệu phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự: Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã yêu cầu Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (VIETTEL) Chi nhánh Đắc Nông sao kê L sử dụng giao dịch của Lại Văn H nhưng hết thời hạn điều tra chưa có kết quả nên CQĐT tách hành vi, tiếp tục xác minh, khi có căn cứ tiếp tục xử lý theo quy định là phù hợp.

[9]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xét số tiền Đinh Văn L nhận của chị H'M là 390.000.000 đồng và Đỗ Tuấn A nhận 150.000.000đ, do chị H'M không trực tiếp giao dịch vay tiền với L và Tuấn A nên cần trả lại cho chị H'M là phù hợp. Hiện số tiền bị cáo L đang được tạm giữ tại Chi cục THA huyện Đ, cần buộc bị cáo Tuấn A hoàn trả lại số tiền trên.

Xét số tiền gốc là 450.000.000 đồng các bị cáo L và Tuấn A (trong đó bị cáo Tuấn A là 150.000.000đ, bị cáo L là 300.000.000 đồng), các bị cáo đã chuyển giao cho H'D nên cần truy thu của H'D số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

Xét số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà H, L, Tuấn A đã thu của H'D là 10.849.315 đồng các bị cáo đã tự nguyện giao nộp nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Xét số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo đã tự nguyện nộp lại là 57.650.685 đồng, đây là số tiền các bị cáo thu của chị H'D, cần hoàn trả khoản tiền thu lợi bất chính trên cho chị H'D. Tuy nhiên để đảm bảo công tác thi hành án, cần tạm giữ của chị H'D số tiền này để khấu trừ vào nghĩa vụ truy thu của chị H'D đối với số tiền gốc 450.000.000 đồng.

Đối với 02 điện thoại di động các bị cáo H, Tuấn A sử dụng làm công cụ, phương tiện liên lạc thực hiện hành vi phạm tội, tại phiên tòa các bị cáo khai nhận đã bị hư hỏng và thất lạc nên không thu hồi được, nên không có căn cứ để xử lý. Đối với chiếc điện thoại di động của bị cáo L sử dụng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; trả lại 02 điện thoại di động thu giữ của anh Hà Văn T và chị H'M.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 “*Giấy thế chấp đất rẫy*”, ghi ngày 08-3-2021, 01 giấy vay tiền, ghi ngày 25-11-2021.

Tịch thu tiêu hủy 01 bốp màu hạt dẻ do Đình Văn L giao nộp là vật chứng của vụ án, do không còn giá trị sử dụng.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu nhận lại số tiền 390.000.000đ chị H'M giao nộp cho bị cáo L và 150.000.000 đồng giao nộp cho Tuấn A là có căn cứ, HĐXX chấp nhận, hiện số tiền bị cáo L nhận đang tạm gửi tại Chi cục thi hành án, khi bản án có hiệu lực pháp luật, gia đình chị H'M liên hệ để nhận số tiền trên; buộc bị cáo Tuấn A hoàn trả cho gia đình chị H'M số tiền 150.000.000 đồng.

Đối với giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, do đây là giao dịch giả tạo nên bị cáo L, Tuấn A và gia đình chị H'M liên hệ văn phòng công chứng để ký lại hợp đồng chuyển nhượng, trường hợp có tranh chấp thì các bên khởi kiện bằng vụ án khác.

[11]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lại Văn H, Đình Văn L và Đỗ Tuấn A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lại Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-11-2021 đến

ngày 06-12-2021 là 09 (*chín*) ngày, tương đương 27 (*hai mươi bảy*) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn pH chấp hành 01 (một) năm 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lại Văn H cho UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và gia đình bị cáo cùng phối hợp để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đinh Văn L 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-11-2021 đến ngày 06-12-2021 là 09 (*chín*) ngày, tương đương 27 (*hai mươi bảy*) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn pH chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Di Linh nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đinh Văn L cho UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng và gia đình bị cáo cùng phối hợp để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Tuấn A 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện B nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đỗ Tuấn A cho UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và gia đình bị cáo cùng phối hợp để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Phạt bổ sung các bị cáo Lại Văn H, Đinh Văn L, Đỗ Tuấn A mỗi bị cáo số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước; hình thức nộp một lần.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 10.849.315 đồng là số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật do hành vi phạm tội của các bị cáo mà có.

Truy thu, buộc chị H'D phải nộp số tiền gốc đã nhận của bị cáo L là 300.000.000đ, của bị cáo Tuấn A là 150.000.000 đồng. tổng số tiền truy thu của chị H'D là 450.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Hoàn trả chi H'D số tiền 57.650.685 đồng là số tiền lãi suất các bị cáo nhận của chi H'D vượt quá mức quy định của pháp luật. Tiếp tục tạm giữ của chi H'D số tiền này để đảm bảo công tác thi hành án.

Hoàn trả chi H'M số tiền 390.000.000đ (*ba trăm chín mươi triệu đồng*) bị cáo L đã nhận của chi H'M, số tiền này hiện đang tạm gửi tại tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong, khi bản án có hiệu lực pháp luật, gia đình chi H'M liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong để nhận số tiền trên

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 “Giấy thế chấp đất rẫy”, đề ngày 08-3-2021; 01 giấy vay tiền đề ngày 25-11-2021.

Trả lại cho chi H'M 01 ĐTDĐ nhãn hiệu SAMSUNG màu bạc, viền màu đen, ốp màu xanh, trả lại cho anh anh Hà Văn T 01 ĐTDĐ nhãn hiệu I phone 7, màn hình nhựa, màu trắng (*đặc điểm như biên bản bào giao ngày 09-9-2022 của Cơ quan CSĐT công an huyện Đăk Glong và Chi cục THADS huyện Đăk Glong*) là chủ sở hữu hợp pháp do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 bốp màu hạt dẻ do Đinh Văn L giao nộp là vật chứng của vụ án, do không còn giá trị sử dụng; tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 ĐTDĐ cảm ứng của Đinh Văn L là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội (*đặc điểm như biên bản bào giao ngày 09-9-2022 của Cơ quan CSĐT công an huyện Đăk Glong và Chi cục THADS huyện Đăk Glong*).

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Tuấn A phải hoàn trả lại cho chi H'M số tiền 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đỗ Tuấn A phải chịu 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (để biết);
- Bị cáo;
- Đường sự;
- Lưu .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phạm Đình Hưng